

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0302495140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM
cấp ngày 31/12/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/03/2014)*

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215-217 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TP. HCM
Điện thoại: (028) 3836 8406 - 3836 7043 - Fax: (028) 3836 9434
Website: cmid.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Địa chỉ: Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3728 0921 - Fax: (84-24) 3728 0920

Website: www.tvsi.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 193 – 203 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (028) 3838 6868 - Fax: (028) 3920 7542

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Ông Huỳnh Văn Tư - Chức vụ: Tổng Giám đốc
Điện thoại: (84-28) 3526 5835 - Fax: (84-28) 3526 5834



MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG	2
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	2
CÁC KHÁI NIỆM.....	3
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	4
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	4
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	9
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại.....	14
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CMID, những công ty mà CMID đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CMID	15
5. Hoạt động kinh doanh	15
6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	21
7. Chính sách đối với người lao động	24
8. Chính sách cổ tức	25
9. Tình hình tài chính	25
10. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty).....	29
11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	31
12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...).	32
13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	32
14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	33
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	33
1. Danh sách và sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị	33
2. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát	37
3. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc	41
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.	42

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty	7
Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 13/05/2019.....	14
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 13/05/2019	14
Bảng 5. Sản lượng tiêu thụ các mặt hàng xi măng từ 2014 - 2018	15
Bảng 6. Cơ cấu doanh thu thuần các mảng hoạt động 2017 –2018	16
Bảng 7. Cơ cấu các loại chi phí của công ty năm 2017 và 2018.....	17
Bảng 8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	19
Bảng 9. Hoạt động sản xuất kinh doanh 2017 – 2018	21
Bảng 10. Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm	24
Bảng 11. Tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông năm 2015 - 2018	25
Bảng 12. Khấu hao TSCĐ.....	25
Bảng 13. Các khoản phải nộp theo luật định	26
Bảng 14. Trích lập các quỹ theo luật định	26
Bảng 15. Tình hình dư nợ vay.....	27
Bảng 16. Các khoản phải thu	27
Bảng 17. Các khoản phải trả	28
Bảng 18. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	29
Bảng 19. Tài sản tại thời điểm 31/12/2018	29
Bảng 20. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty.....	30
Bảng 21. Danh sách các thửa đất Công ty đang quản lý và sử dụng	30
Bảng 22. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2019.....	31
Bảng 23. Danh sách Hội đồng Quản trị	33
Bảng 24. Danh sách Ban kiểm soát.....	37
Bảng 25. Danh sách Ban Tổng Giám đốc.....	41

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	9
Biểu đồ 2. Cơ cấu doanh thu thuần các mảng hoạt động năm 2017 - 2018.....	16

CÁC KHÁI NIỆM

- CMID, Tổ chức đăng ký giao dịch : Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất Thành phố Hồ Chí Minh
- Tổ chức tư vấn, TVSI : Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
- Bộ TC : Bộ Tài chính
- Sở KH&ĐT : Sở Kế hoạch và Đầu tư
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCKHN, HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- Ban GD : Ban giám đốc
- BKS : Ban kiểm soát
- KTT : Kế toán trưởng
- CP : Cổ phiếu, cổ phần
- TTCK : Thị trường chứng khoán
- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
- VDL : Vốn điều lệ
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CPPT : Cổ phần phổ thông
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- LNTT : Lợi nhuận trước thuế
- DTT : Doanh thu thuần
- TSCĐ : Tài sản cố định
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CTCP : Công ty Cổ phần
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- DN : Doanh nghiệp
- Thuế TNDN : Thuế thu nhập doanh nghiệp

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về tổ chức đăng ký giao dịch

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
- Tên tiếng Anh: Construction Material & Interior Decoration Joint Stock Company
- Tên viết tắt: CMID
- Trụ sở chính: 215-217 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Quận 1, TP. HCM
- Số điện thoại: (84-28) 3836 8406 – 3836 7043
- Số Fax: (84-28) 3836 9434
- Email: info@cmid.com.vn
- Website: cmid.com.vn
- Biểu tượng (logo):



- Vốn điều lệ đăng ký: 150.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 150.000.000.000 đồng
- Giấy CNĐKDN: Số 0302495140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 31/12/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/03/2014.
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 09/07/2012
- Người đại diện pháp luật: Ông Huỳnh Văn Tư – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu:
 - + Sản xuất các loại vật liệu xây dựng;
 - + Kinh doanh vật liệu xây dựng, gỗ;
 - + Sửa chữa và trang trí nội thất;
 - + Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
 - + San lấp mặt bằng các công trình,...

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất Thành phố Hồ Chí Minh**
- Loại chứng khoán: **Cổ phiếu phổ thông**
- Mã chứng khoán: **CMD**
- Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: **15.000.000 cổ phiếu**
- Tỷ lệ số cổ phần đăng ký giao dịch trên tổng số cổ phần đã phát hành: **100%**
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: **0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ**
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài: **Tỷ lệ nắm giữ của Nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư hướng dẫn số 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính.**
Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 13/05/2019, tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0%.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1976: Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất TP.HCM trước đây là Bộ phận Vật liệu xây dựng của Công ty Vật liệu Xây dựng và Chất đốt. Do nhu cầu của sự phát triển kinh tế, theo quy định số 135/TCCQ ngày 16/03/1976 của Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM, bộ phận này được tách ra và trở thành Công ty độc lập cũng với tên gọi là Công ty Vật Liệu Xây Dựng và Trang Trí Nội Thất, trực thuộc Sở Thương Mại TP.HCM.

Công ty là một doanh nghiệp Nhà nước nên nguồn vốn chủ yếu do ngân sách Nhà nước cấp. Khi mới thành lập số vốn ban đầu của công ty là 840.189.320 đồng. Với nhiệm vụ là tổ chức thu mua, gia công tự sản xuất, chế biến tập trung nguồn hàng thực hiện vai trò bán

buôn, cung ứng hàng hóa cho các đơn vị thương nghiệp quận, huyện và đảm bảo một phần cho nhu cầu xây dựng của Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận.

Năm 1992: Trải qua thời gian dài kinh doanh có hiệu quả, Công ty được Nhà nước cho phép thành lập lại theo Nghị định 388/HĐBT của Hội Đồng Bộ Trưởng ngày 29/09/1992. Trong đó, Nguồn vốn kinh doanh là 4.513 triệu đồng (Vốn ngân sách Nhà nước cấp: 3.034 triệu đồng; Vốn doanh nghiệp tự bổ sung: 1.479 triệu đồng); Vốn cố định là 2.225 triệu đồng; Vốn lưu động là 3.228 triệu đồng. Với ngành nghề kinh doanh là các loại vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.

Năm 1994: Ngày 15/11/1994 Công ty được bổ sung chức năng: Sửa chữa và trang trí nội thất – sản xuất vật liệu xây dựng; Xây dựng dân dụng và công nghiệp (01/01/1999 công ty đã bỏ chức năng này do sự khó khăn khi áp dụng thuế giá trị gia tăng vào quyết toán); Sản xuất vật liệu xây dựng. Công ty đã tập trung đầu tư nhanh vào mặt hàng vật liệu xây dựng mũi nhọn để góp phần chi phối thị trường.

Năm 1999: Nguồn vốn kinh doanh của Công ty đạt 6.936 triệu đồng. Trong đó, Vốn cố định: 3.649 triệu đồng (Nguồn ngân sách cấp: 1.118 triệu đồng, Nguồn tự bổ sung: 2.531 triệu đồng), Vốn lưu động: 3.287 triệu đồng.

Năm 2001: Theo Quyết định số 1286/QĐ-TTg ngày 28/09/2001 của Thủ Tướng Chính Phủ, Công ty đã chuyển thể từ Công ty Vật Liệu Xây Dựng và Trang Trí Nội Thất Thành phố Hồ Chí Minh (doanh nghiệp Nhà Nước) sang Công ty Cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất TP. Hồ Chí Minh (viết tắt là CMID), Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 31/12/2001. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng. Trong đó: Nhà Nước góp vốn 4.000.000.000 đồng chiếm 20%. Còn lại 80% là vốn góp cổ đông.

Sau gần 40 năm hoạt động, Công ty không ngừng phát triển cả về quy mô, vốn tài sản, ngành nghề kinh doanh, chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh. Với số vốn ban đầu từ trên 840 triệu đồng vào thời điểm năm 1976, đến năm 2002 khi cổ phần hóa là 20 tỷ đồng và đến cuối năm 2014 là 150 tỷ đồng.

Ngày 08/11/2018, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 98/2018/GCNCP-VSD cho 15.000.000 cổ phiếu của Công ty.

1.4. Quá trình thay đổi vốn điều lệ

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần (31/12/2001), Công ty đã có các lần thay đổi vốn Điều lệ như sau:



Bảng 1. Quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Stt	Thời điểm	VĐL tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau PH (tỷ đồng)	Phương án phát hành	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
1	12/2001	Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập : 20		Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.		
2	12/2006	20	40	Đối tượng chào bán: + Chào bán 1.800.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:0,9 (200 người) chiếm tỷ lệ 90% tổng số cổ phần phát hành thêm. + Chào bán 200.000 cổ phần cho Ban lãnh đạo Công ty (38 người) chiếm tỷ lệ 10% tổng số cổ phần phát hành thêm.	+ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) số 12/NQ-HĐQT ngày 21/11/2006 + Nghị quyết Hội đồng quản trị (HĐQT) số 20/QĐ-HĐQT ngày 22/12/2006 + Giấy CNĐKKD số 4103000762 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 28/12/2006	
3	7/2007	40	80	Đối tượng chào bán: + Chào bán 3.600.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:0,9 (218 người) chiếm tỷ lệ 90% tổng số cổ phần phát hành thêm. + Chào bán 400.000 cổ phần cho Ban lãnh đạo Công ty (44 người) chiếm tỷ lệ 10% tổng số cổ phần phát hành thêm.	+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 34/NQ-HĐQT ngày 26/03/2007 + Nghị quyết HĐQT số 37/QĐ-HĐQT ngày 20/06/2007 + Giấy CNĐKKD số 4103000762 đăng ký thay đổi lần 7 ngày 02/07/2007	Trong đợt tăng vốn này Công ty chưa thực hiện đăng ký chào bán đúng theo quy định của pháp luật, UBCKNN có quyết định phạt và Công ty đã chịu phạt.
4	01/2009	70	150	Đối tượng chào bán: + Chào bán 6.000.000 cổ phần cho cổ đông	+ Nghị quyết ĐHĐCĐ số 250/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2008	



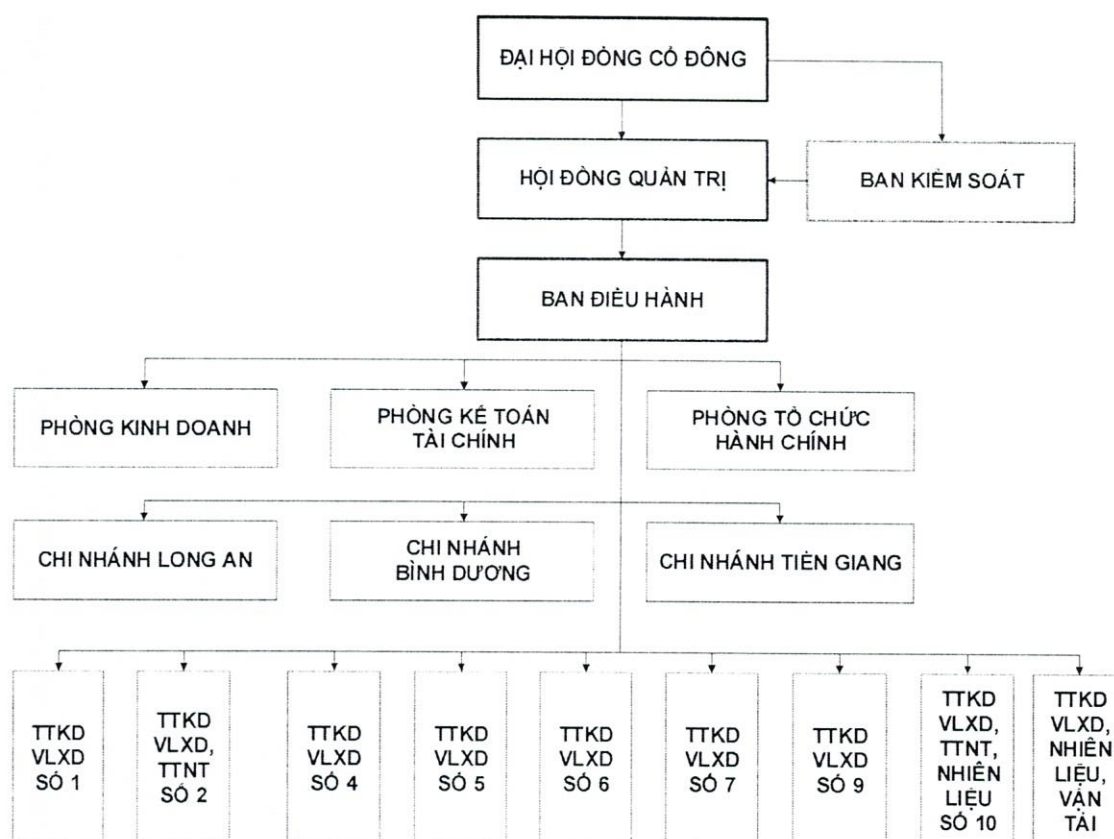
Stt	Thời điểm	VĐL tăng thêm (tỷ đồng)	VĐL sau PH (tỷ đồng)	Phương án phát hành	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
				hiện hữu tỷ lệ 1:0,75 (166 người) chiếm tỷ lệ 85,71% tổng số cổ phần phát hành thêm. + Phát hành 1.000.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 1:0,25 (284 người) chiếm tỷ lệ 14,29% tổng số cổ phần phát hành thêm.	+ Giấy đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 328/UBCK-GCN ngày 04/09/2008 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. + Giấy CNĐKDN số 0302495140 đăng ký thay đổi lần 10 ngày 09/04/2010	

Nguồn: CMID

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014. Cơ cấu tổ chức của Công ty xây dựng theo cấu trúc chức năng nhằm phù hợp với lĩnh vực hoạt động và được mô tả theo sơ đồ sau:

Biểu đồ 1. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: CMID

Bộ máy quản lý của Công ty nhanh nhạy trong khâu tổ chức, chặt chẽ trong quản lý, giám sát, các bộ phận có sự phối hợp nhịp nhàng cùng nhau xây dựng doanh nghiệp phát triển và vững mạnh.

2.1. Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

- Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty nếu Điều lệ Công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát khi gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý quan trọng khác; quyết định mức lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2.3. Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2.4. Ban Điều hành

Hoạt động kinh doanh của Công ty được điều hành bởi Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Các phó Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác là người trợ giúp và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc.

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm là người đại diện theo pháp luật của công ty. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua;;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- Kiến nghị số lượng và các chức danh cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn, hàng năm, hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản kế hoạch) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm, hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2.5. Phòng Kinh doanh

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám Đốc thực hiện, xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch luân chuyển hàng hóa, kế hoạch phát triển nguồn hàng, thị trường, kinh doanh bán buôn.

- Tổ chức nghiên cứu phối hợp với các phòng chức năng Công ty để xây dựng kế hoạch tổng hợp của Công ty theo định kỳ hàng năm phù hợp với hướng phát triển của Công ty để trình Tổng Giám đốc xét duyệt bao gồm cả kế hoạch và biện pháp thực hiện.
- Trên cơ sở kế hoạch năm của Công ty đã được phê duyệt, Phòng Kế Hoạch Kinh Doanh tiến hành xây dựng kế hoạch hàng tháng – quý và giao đến từng đơn vị trực thuộc. Theo dõi và kiểm tra hoạt động kinh doanh hằng ngày để báo cáo Ban Tổng Giám Đốc.
- Bao gồm có 03 bộ phận :
 - + Bộ phận kế hoạch thống kê, hợp đồng
 - + Bộ phận kinh doanh
 - + Bộ phận quản lý và điều hành mã số đăng ký hàng hóa, kho hàng

2.6. Phòng Kế toán - Tài chính

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám Đốc về tổ chức và chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hoạch toán kinh tế của Công ty theo pháp lệnh kế toán, qui chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp cổ phần và qui chế tài chính doanh nghiệp.
- Bao gồm có 03 bộ phận :
 - + Bộ phận kế toán thống kê
 - + Bộ phận kế toán thu chi
 - + Bộ phận quản lý công nợ hàng hóa, hợp đồng.

2.7. Phòng Tổ chức -Hành chính

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám Đốc về tổ chức và lao động tiền lương, tổ chức hành chính, mạng lưới, đề xuất bố trí nhân sự, cán bộ, xây dựng định mức tiền lương, tiền thưởng liên quan đến chế độ, chính sách của CNVC lao động.
- Bao gồm có 03 bộ phận :
 - + Bộ phận hành chính
 - + Bộ phận lao động tiền lương
 - + Bộ phận về mạng lưới, kho tàng, tài sản.

2.8. Các đơn vị trực thuộc Công ty

Là những đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh, hoạch toán phụ thuộc, hoạt động theo từng chức năng nhiệm vụ được Tổng Giám Đốc Công ty giao. Mỗi đơn vị có một trưởng đơn vị (Giám Đốc Trung tâm - Chi nhánh) chịu trách nhiệm chung và có 01 hoặc 02 phó hỗ trợ giúp việc cho Giám Đốc.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại

- 3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 13/05/2019

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 13/05/2019

Stt	Tên cổ đông	CMND/ GCNDKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất TP.HCM (CP quỹ)	Số 0302495140 do Sở kế hoạch và đầu tư TPHCM cấp thay đổi lần 12 ngày 10/03/2014	215 - 217 Trần Hung Đạo, P. Cô Giang, Q.1, TPHCM	4.500.000	45.000.000.000	30,00%
2	Lê Văn Phải	080057000108	07 Tân Hòa Đông, P.13, Q.6, TPHCM	3.094.687	30.946.870.000	20,63%
3	Châu Thị Kim Xoàn	023919947	07 Tân Hòa Đông, P.13,Q.6, TPHCM	800.000	8.000.000.000	5,33%
Tổng cộng				8.394.687	83.946.870.000	55,96%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty ngày 13/05/2019

- 3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước, không có cổ đông sáng lập.

- 3.3. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 13/05/2019

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 13/05/2019

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước	276	10.500.000	105.000.000.000	70,00%
1	Tổ chức	0	0	0	0%
2	Cá nhân	276	10.500.000	105.000.000.000	70,00%
II	Nước ngoài	0	0	0	0%
1	Tổ chức	0	0	0	0%
2	Cá nhân	0	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	1	4.500.000	45.000.000.000	30,00%
	Tổng cộng		15.000.000	150.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty ngày 13/05/2019

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CMID, những công ty mà CMID đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CMID

4.1. Công ty mẹ:

Không có.

4.2. Công ty con:

Không có.

4.3. Các Công ty liên doanh, liên kết:

Không có.

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm, dịch vụ của công ty

Công ty chuyên kinh doanh ngành hàng vật liệu xây dựng (chủ yếu là xi măng). Tất cả nguồn xi măng kinh doanh của Công ty hiện tại được nhập từ trong nước trực tiếp từ các công ty xi măng như: Vicem Hà Tiên, Insee, Nghi Sơn, Tafico, Cẩm Phả, Lavila, Chinfon, Hạ Long, Thăng Long...

Công ty có hệ thống phân phối rộng khắp, địa bàn và sản lượng tiêu thụ của Công ty chủ yếu tập trung vào thị trường Thành phố Hồ Chí Minh (chiếm từ 80 – 85% tổng sản lượng tiêu thụ) và các tỉnh lân cận như : Bình Dương, Bình Phước, Long An...

Bên cạnh đó Công ty còn kinh doanh dịch vụ cho thuê mặt bằng văn phòng. Một số mặt bằng chủ lực mang lại doanh thu cho Công ty là: Số 267-269 Lê Thánh Tôn, Q.1, TPHCM (khách sạn), 215-217 Trần Hưng Đạo, Q.1, TPHCM (Văn phòng, cửa hàng), Kho số 19 Đông Sơn, Q.Tân Bình TP.HCM, Văn phòng 400 Lê Văn Thọ, Q. Gò Vấp TP.HCM, 518 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TPHCM (văn phòng, cửa hàng, kho), Tầng trệt, số 397 Lý Thường Kiệt, Q. Tân Bình TP.HCM (Văn phòng, cửa hàng)..

5.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ và doanh thu qua các năm

Bảng 4. Sản lượng tiêu thụ các mặt hàng xi măng từ 2014 - 2018

Năm	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Tỷ lệ % so với năm liền trước
2014	704.908	112,70%
2015	843.375	119,64%
2016	993.580	117,81%
2017	1.111.399	111,86%
2018	976.802	87,88%

Nguồn: CMID

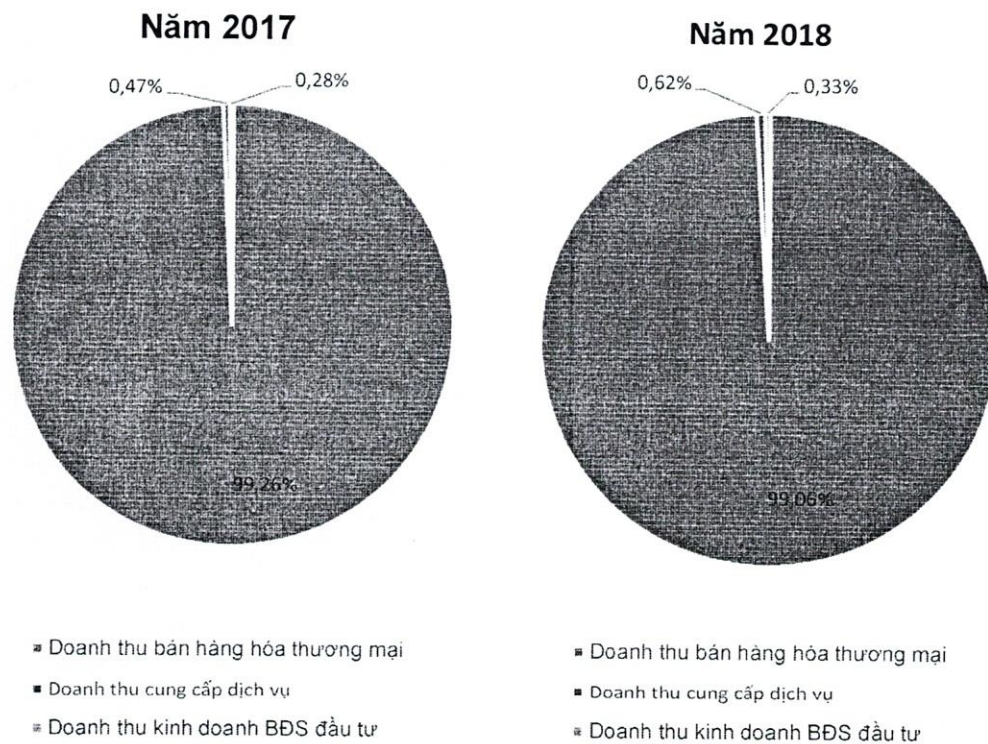
Bảng 5. Cơ cấu doanh thu thuần các mảng hoạt động 2017 – 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Doanh thu	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng hóa	1.483.076	99,25%	1.285.760	99,06%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.992	0,47%	7.983	0,62%
3	Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư	4.109	0,28%	4.269	0,33%
	Tổng cộng	1.494.177	100%	1.298.012	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty.

Biểu đồ 2. Cơ cấu doanh thu thuần các mảng hoạt động năm 2017 - 2018



Doanh thu chính của công ty đến từ mảng kinh doanh hàng hóa thương mại, cụ thể là kinh doanh mặt hàng xi măng. Tỷ trọng doanh thu bán hàng chiếm tỷ lệ rất cao, lên đến hơn 99% tổng doanh thu thuần cả năm của Công ty.

Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư chiếm tỷ lệ khá nhỏ trong tổng doanh thu thuần của Công ty.

5.3. Nguyên vật liệu

Đối với hoạt động kinh doanh xi măng, hiện tại Công ty là nhà phân phối chính các thương hiệu xi măng nổi tiếng như:

- Xi măng Fico
- Xi măng Cẩm Phả
- Xi măng Cotec
- Xi măng Chinfon
- Xi măng Nghi Sơn
- Xi măng Hà Tiên

Công ty là đại lý cấp 1 của các Công ty xi măng lớn trên thị trường nên nguồn cung ứng xi măng rất ổn định.

Doanh thu từ kinh doanh xi măng chiếm trên 99% tổng doanh thu thuần toàn Công ty, do đó sự biến động về giá các loại xi măng mua vào ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch doanh thu và kế hoạch lợi nhuận của Công ty.

5.4. Chi phí sản xuất kinh doanh

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với doanh thu thuần qua các năm như sau

Bảng 6. Cơ cấu các loại chi phí của công ty năm 2017 và 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chi phí	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
1	Giá vốn hàng bán	1.355.515	90,72%	1.167.994	89,98%
1.1	Giá vốn hàng hóa đã bán	1.355.270	90,70%	1.166.937	89,90%
1.2	Giá vốn kinh doanh BĐS đầu tư	245	0,02%	1.057	0,08%
2	Chi phí tài chính	11.267	0,75%	11.267	0,87%
3	Chi phí bán hàng	76.179	5,10%	76.179	5,87%
4	Chi phí QLDN	14.275	1,00%	14.275	1,10%
5	Chi phí khác	3.644	0,05%	3.644	0,28%
	Tổng cộng	1.460.880	97,77%	1.273.359	98,10%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty.

Tổng chi phí của Công ty chiếm khoảng 98% tổng doanh thu thuần. Cơ cấu chi phí của Công ty cụ thể như sau:

- Chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất, và trong đó chủ yếu là giá vốn hàng hóa bán ra (xi măng), chiếm tới 90% tổng doanh thu thuần;

- Chi phí bán hàng chiếm trung bình 5% tổng doanh thu thuần qua các năm;
- Phần còn lại là chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

5.5. Trình độ công nghệ

Hoạt động kinh doanh của công ty là phân phối vật liệu xây dựng, cụ thể là xi măng nên không đòi hỏi yêu cầu quá cao về kỹ thuật công nghệ. Về phương tiện vận tải dùng để chuyên chở, Công ty có chủ động đầu tư nhưng không nhiều, chủ yếu là đi thuê bên ngoài, do đó công tác nghiên cứu về công nghệ không được đầu tư để giảm bớt chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công ty tập trung duy trì kinh doanh các mặt hàng sẵn có thông qua việc tìm kiếm và phát triển các kênh phân phối mới nhằm tăng quy mô thị trường và sản lượng tiêu thụ. Bên cạnh đó đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu thị trường để mở rộng kinh doanh thêm nhiều mặt hàng, thương hiệu khác nhau để tạo sự đa dạng cho sản phẩm cung cấp.

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

CMID nhận thức rõ uy tín và chất lượng sản phẩm là những yếu tố quan trọng hàng đầu trong kinh doanh hiện nay nhằm duy trì và mở rộng thị phần. Vì vậy việc kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ được thực hiện khá chặt chẽ.

Công ty là đại lý cấp 1 của các Công ty xi măng lớn trên thị trường nên có nguồn hàng đảm bảo từ các công ty xi măng. Chất lượng các sản phẩm xuất xưởng từ các công ty xi măng đều tuân thủ theo chỉ tiêu chất lượng đã đăng ký đúng tiêu chuẩn Việt Nam và được kiểm định mẫu theo từng lô hàng khi xuất xưởng. Trong trường hợp khi sử dụng, nếu phát hiện chất lượng không đảm bảo (do bảo quản, thời tiết...) Công ty sẽ kết hợp với nhà sản xuất cùng đến kiểm tra và có hướng xử lý ngay lập tức.

5.8. Hoạt động Marketing

Hiện tại Công ty chưa có phòng ban chuyên trách đảm nhiệm hoạt động Marketing. Kế hoạch phát triển nguồn hàng, thị trường, kinh doanh bán buôn đều do Phòng Kinh doanh thực hiện xây dựng dưới sự chỉ đạo trực tiếp từ Ban Điều hành. Bộ phận này chịu trách nhiệm nắm bắt các thông tin về sản phẩm cũng như phản ánh từ khách hàng về sản phẩm để từ đó kịp thời đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, đồng thời giải quyết nhanh chóng những vướng mắc, khiếu nại cũng như hỗ trợ về mọi mặt để có thể giữ uy tín của Công ty và tạo cho khách hàng sự tin tưởng khi sử dụng sản phẩm do Công ty phân phối.

Ngoài ra, Công ty luôn chủ động liên kết, hợp tác với các nhà sản xuất xi măng nhằm ổn định về giá và hỗ trợ các chính sách khuyến mãi, hậu mãi, tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời xây dựng các chính sách về giá bán cho phù hợp với từng đối tượng khách hàng để đảm bảo sản lượng tiêu thụ. Cụ thể, Công ty kết hợp với các nhà sản xuất thực hiện các chương trình khuyến mãi như: tặng xi măng, vé siêu thị, du lịch... nhằm tri ân khách hàng.

5.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



- Logo Công ty:

Biểu tượng logo trên được Công ty thống nhất sử dụng làm nhân hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm dịch vụ của Công ty tính đến thời điểm hiện tại. Logo chưa được đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ.

- Website của Công ty: www.cmids.com.vn

5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 7. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Số hợp đồng	Tên đối tác	Nội dung	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
1	04	Cty TNHH Ngói Bê Tông SCG	Cung cấp XM xá	1.300 tấn/tháng (Đơn giá 1.316.000đ/tấn)	01 /01 - 31/12/2019
2	05	Cty CP Quản lý & Khai thác Cảng quốc tế Long An	Cung cấp XM xá	1.700 tấn/tháng (Đơn giá 1.316.000đ/tấn)	05 /01 - 31/12/2019
3	06	Cty CP Bê Tông Ly Tâm Thủ Đức – Long An	Cung cấp XM xá	3.100 tấn/tháng (Đơn giá 1.316.000đ/tấn)	05 /01 - 31/12/2019
4	07	Cty CP Bê Tông Ly Tâm Thủ Đức 1	Cung cấp XM xá	2.800 tấn/tháng (Đơn giá 1.316.000đ/tấn)	05 /01 - 31/12/2019
5	08	Cty CP Minh Khôi	Cung cấp XM xá	1.200 tấn/tháng (Đơn giá 1.316.000đ/tấn)	05 /01 - 31/12/2019
6	10	Cty TNHH Bê Tông Tiên Phong	Cung cấp XM xá	2.100 tấn/tháng (Đơn giá 1.316.000đ/tấn)	05 /01 - 31/12/2019
7	13	CN Cty TNHH XD & Khảo Sát Công Trình Thanh Tuấn – Nhà Máy Sản Xuất Cầu Kien Bê Tông	Cung cấp XM xá	1.000 tấn/tháng (Đơn giá 1.316.000đ/tấn)	05 /01 - 31/12/2019
8	14	Cty TNHH MTV VLXD Vận Tải Phương Liên	Cung cấp XM xá	1.000 tấn/tháng (Đơn giá 1.316.000đ/tấn)	05 /01 - 31/12/2019



Stt	Số hợp đồng	Tên đối tác	Nội dung	Giá trị (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện
9	15	Cty CP Sản Xuất Thương Mại Sài Gòn (SMC)	Cung cấp XM xá	1.500 tấn/tháng (Đơn giá 1.316.000đ/tấn)	05 /01 - 31/12/2019
10	16	Cty CP Sản Xuất – Thương Mại SMC Long An	Cung cấp XM xá	1.000 tấn/tháng (Đơn giá 1.316.000đ/tấn)	05 /01 - >31/12/2019
11	20A	Cửa Hàng VLXD Tám Sỏi	Cung cấp XM các loại	1.000 tấn/tháng (Đơn giá 1.510.000đ/tấn)	02/01 - 31/10/2019
12	26	Cty TNHH SX – TM – DV Ngọc Thành Nam	Cung cấp XM các loại	1.000 tấn/tháng (Đơn giá 1.480.000đ/tấn)	02/01 - 31/12/2019
13	27	Cty TNHH TM DV Vận Tải Hồng Hải	Cung cấp XM các loại	2.000 tấn/tháng (Đơn giá 1.575.000đ/tấn)	02/01 - 31/12/2019
14	45	Cty TNHH TM DV VT Vân Dung	Cung cấp XM các loại	3.000 tấn/tháng (Đơn giá 1.575.000đ/tấn)	02/01 - 31/12/2019
15	45A	Cty Cổ Phần Bê Tông IBS	Cung cấp XM xá	2.600 tấn/tháng (Đơn giá 1.250.000đ/tấn)	02/01 - 31/12/2019
16	45B	Cty TNHH BT Hoàng Sở	Cung cấp XM xá	4.000 tấn/tháng (Đơn giá 1.250.000đ/tấn)	02/01 - 31/12/2019
17	46	Cty TNHH TM DV Hoàng Sâm	Cung cấp XM các loại	3.000 tấn/tháng (Đơn giá 1.550.000đ/tấn)	03/01 - 31/12/2019

Nguồn: CMID

6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất
- 6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 8. Hoạt động sản xuất kinh doanh 2017 – 2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm	31/03/2019
1	Tổng giá trị tài sản	419.474	412.636	-1,63%	376.641
2	Vốn chủ sở hữu	192.768	194.619	0,96%	193.101
3	Doanh thu thuần	1.494.177	1.298.012	-13,13%	240.705
4	Lợi nhuận từ HĐKD	54.898	45.302	-17,48%	18.092
5	Lợi nhuận khác	(2.928)	1.226	n/a	(301)
6	Lợi nhuận trước thuế	51.970	46.528	-10,47%	17.790
7	Lợi nhuận sau thuế	37.866	35.849	-5,33%	14.232
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	90,82%	78,05%	-14,06%	n/a
9	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phiếu)	17.641	17.817	-0,99%	17.672

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 1 năm 2019 của Công ty.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

6.2.1. Những nhân tố thuận lợi

- Tình hình kinh tế của cả nước và Thành phố Hồ Chí Minh có dấu hiệu khởi sắc. Thị trường bất động sản khởi sắc kéo theo ngành hàng vật liệu xây dựng nhộn nhịp từ đầu năm.
- Thị trường tiêu thụ các sản phẩm ngành hàng vật liệu xây dựng nói chung và xi măng nói riêng phát triển ổn định, có tăng trưởng. Từ đó hoạt động kinh doanh của công ty tiếp tục được duy trì và phát triển ổn định, tổng doanh thu, sản lượng các mặt hàng xi măng, lợi nhuận thực hiện cao.
- Công ty chủ động liên kết, hợp tác chặt chẽ với các nhà sản xuất xi măng nhằm ổn định về giá, hỗ trợ chính sách khuyến mãi, hậu mãi để tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

6.2.2. Những nhân tố khó khăn

- Từ năm 2012 đến nay nguồn cung xi măng luôn dư thừa. Một số nhà sản xuất đang vào giai đoạn hai và một số chưa triển khai giai đoạn 2, lúc đó nguồn cung sẽ càng dư

thừa cao hơn nữa. Do đó giá cả các mặt hàng xi măng luôn biến động, thị trường cạnh tranh gay gắt, chính sách khuyến mãi thường xuyên thay đổi. Để cạnh tranh giành thị trường, hầu hết các nhà phân phối đều dùng chiết khấu, khuyến mãi để giảm giá bán làm cho lợi nhuận kinh doanh không cao.

- Năm 2018 sản lượng các mặt hàng của thị trường phía Nam bị giảm thị phần do các mặt hàng giá rẻ phía Bắc đưa vào và các nhà máy đầu tư nhỏ lẻ làm ảnh hưởng.
- Lãi suất Ngân hàng cho vay giảm nhưng vẫn ở mức cao đã tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và chủ trương đầu tư của Công ty.

6.3. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

6.3.1. Vị thế của công ty trong ngành

CMID có mối quan hệ tốt với các đối tác và bạn hàng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận nên luôn là địa chỉ tin cậy cho các khách hàng khi ký kết hợp đồng. Công ty luôn đặt uy tín lên hàng đầu, đảm bảo giao hàng cho khách hàng đúng chất lượng, đủ số lượng và đúng thời gian yêu cầu nên rất được khách hàng tín nhiệm. Ngoài ra, Công ty có mối quan hệ mật thiết với nhiều nhà máy sản xuất xi măng, hiện tại CMID đang là đại lý cấp I và là nhà phân phối sản phẩm cho một số nhà sản xuất lớn trong nước. Có hệ thống các chi nhánh trải rộng khắp thành phố và các tỉnh lân cận, CMID có năng lực phân phối xi măng khối lượng lớn tới khách hàng.

Sản lượng tiêu thụ các mặt hàng xi măng do CMID phân phối vào năm 2018 đạt 976.802 tấn, chiếm hơn 1% so với mức tiêu thụ toàn ngành. Tỷ lệ này đạt mức khá so với địa bàn tiêu thụ của CMID giới hạn ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

6.3.2. Triển vọng phát triển của ngành

Hoạt động kinh doanh, phân phối xi măng đem lại nguồn doanh thu chính cho Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, sự phát triển của Công ty gắn liền với triển vọng phát triển của ngành sản xuất xi măng.

Theo thống kê của số liệu của Vụ Vật liệu Xây dựng (Bộ Xây dựng) và các bộ, ước sản phẩm xi măng tiêu thụ ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu trong tháng 5/2018 đạt khoảng 10,23 triệu tấn, tăng tới 1,46 triệu tấn so với tháng 4, tăng 11% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 51% kế hoạch năm 2018. Điều đáng ghi nhận là sản lượng tiêu thụ sản phẩm xi măng ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu trong tháng 5 đều tăng mạnh. Trong đó ước sản lượng tiêu thụ tại thị trường nội địa đạt khoảng 7,68 triệu tấn, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2017. Với đà tiêu thụ này các chuyên gia trong lĩnh vực vật liệu xây dựng cho rằng mục tiêu tiêu thụ từ 83 – 85 triệu tấn sản phẩm trong năm 2018 hoàn toàn có thể đạt và vượt so với kế hoạch đề ra.

6.3.2.1. Tình hình sản xuất

Thông kê của Hiệp hội Xi măng Việt Nam (VNCA) cho biết, tính đến hết năm 2018 công suất thiết kế của ngành xi măng Việt nam đạt khoảng 108,66 triệu tấn.

Theo các chuyên gia trên lĩnh vực Vật liệu xây dựng, mặc dù, thị trường tiêu thụ xi măng nội địa và xuất khẩu trong 6 tháng 2018 vừa qua có mức tăng khá, giá xi măng cũng tăng nhẹ do nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng nhưng cuộc chiến tiêu thụ sản phẩm vẫn hết sức cam go.

Dự báo của Hiệp hội xi măng Việt Nam cho thấy, năng lực sản xuất thực tế của các doanh nghiệp ngành xi măng có thể đạt tới từ 120-130 triệu tấn/năm. Theo dự báo trong quy hoạch, với khả năng tiêu thụ sản phẩm đến năm 2020 đạt khoảng 93 triệu tấn thì sẽ dư thừa khoảng 25-30 triệu tấn.

6.3.2.2. Tình hình tiêu thụ

Bức tranh tiêu thụ xi măng nội địa và xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2018 tăng trưởng khả quan, nhiều doanh nghiệp xi măng tiêu thụ tốt và nhà máy chạy hết công suất. Thị trường xi măng 6 tháng cuối năm có biến động và giá XM dự báo sẽ tăng. Trong đó:

- Tiêu thụ nội địa: Mặc dù nguồn cung xi măng trong nước vẫn tiếp tục tăng lên, dư cung xi măng vẫn đang ở mức cao nhưng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu xi măng trong 6 tháng đầu năm 2018 tương đối khả quan, ước đạt khoảng 51,42 triệu tấn, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 61% kế hoạch năm. Theo Vụ Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng), sản phẩm xi măng tiêu thụ tháng 6/2018 ước đạt khoảng 8,71 triệu tấn, tăng 30% so với cùng kỳ năm 2017. Tiêu thụ sản phẩm XM trong nước tháng 6/2018 ước đạt khoảng 6,91 triệu tấn, tăng 29% với tháng 6/2017.
- Trong đó, riêng Tổng Cty Công nghiệp xi măng Việt Nam (VICEM) tiêu thụ tháng 6/2018 ước đạt khoảng 2,18 triệu tấn. Xuất khẩu tháng 6/2018 ước đạt khoảng 1,8 triệu tấn, tăng 35% so với cùng kỳ năm 2017. Hiện nay, tồn kho cả nước 6 tháng năm 2018 chỉ còn khoảng 3,10 triệu tấn tương đương khoảng 14 - 15 ngày sản xuất, chủ yếu là clanhke.
- Xuất khẩu: Theo Vụ Vật liệu xây dựng (Bộ Xây dựng), xuất khẩu sản phẩm xi măng vẫn tiếp tục tăng trưởng mạnh với sản lượng xuất khẩu trong 6 tháng năm 2018 ước đạt khoảng 15,42 triệu tấn, đạt 85,6% chỉ tiêu xuất khẩu của cả năm và tăng 50% so với cùng kỳ.

6.3.2.3. Quy hoạch phát triển

Các chuyên gia cho rằng ngành xi măng Việt Nam vẫn đang tồn tại một nghịch lý đó là trong bối cảnh xi măng dư cung cao vẫn có những nhà máy được xây dựng mới hoặc mở rộng thêm dây chuyền sản xuất trong khi đó vẫn còn một số đơn vị làm ăn không hiệu quả do không thể tiêu thụ được sản phẩm.

Để khắc phục tình trạng này, Hiệp hội xi măng Việt Nam và các doanh nghiệp sản xuất xi măng đã kiến nghị Chính phủ và Bộ Xây dựng nên có kế hoạch giãn tiến độ đầu tư xây dựng các nhà máy XM giai đoạn 2019-2025

Ngày 21/5/2018, Văn phòng Chính phủ vừa có thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng về phát triển công nghiệp xi măng. Theo đó, Phó Thủ tướng giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan đánh giá thực trạng ngành xi măng. Trên cơ sở đó, xây dựng Chiến lược phát triển công nghiệp xi măng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm cân đối cung cầu.

7. Chính sách đối với người lao động

7.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong công ty

Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ và bố trí sử dụng lao động của Công ty luôn được quan tâm. Toàn bộ lao động đều được Công ty giao kết hợp đồng lao động không thời hạn, bố trí sử dụng phù hợp và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước.

Tại thời điểm 05/07/2018, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty (bao gồm ký hợp đồng chính thức và thời vụ) là 71 người.

- Phân loại theo trình độ:
 - Trên Đại học và đại học : 24 người.
 - Cao đẳng, trung cấp nghề : 11 người.
 - Sơ cấp : 13 người
 - Lao động phổ thông : 23 người.
- Phân loại theo hợp đồng lao động:
 - Hợp đồng lao động dài hạn : 71 người.
 - Hợp đồng lao động ngắn hạn : 0 người.

7.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

7.2.1. Về tiền lương:

Bảng 9. Thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017
Thu nhập bình quân (ngàn đồng/người/tháng)	11.620	14.920	15.750	16.000

Nguồn: CMID

7.2.2. Về công tác tuyển dụng và đào tạo:

- Về công tác tuyển dụng nhân sự: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có tay nghề, năng lực và trình độ để bổ sung kịp thời cho các đơn vị theo phương án định biên của Công ty.
- Về công tác đào tạo, Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu, định hướng phát triển của Công ty.

7.2.3. Về chế độ làm việc:

- Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần (nghỉ chiều thứ bảy), nghỉ trưa 1h đối với các bộ phận văn phòng.
- Chính sách khen thưởng, phúc lợi: Khi hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, Công ty sẽ trích lợi nhuận hàng năm để lập quỹ khen thưởng và phúc lợi. Tỷ lệ trích lập các quỹ này từ lợi nhuận của Công ty hàng năm do Hội đồng quản trị quy định. Công ty sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi để lập các chính sách thưởng hoàn thành kế hoạch hàng quý cũng như thực hiện các chính sách phúc lợi cho nhân viên theo thỏa ước lao động tập thể.

8. Chính sách cổ tức

Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của công ty.

Bảng 10. Tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông năm 2015 - 2018

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018
Tỷ suất cổ tức/ giá trị CP lưu hành	24,54%	28,60%	30,00%	25,00%

Nguồn: CMID

9. Tình hình tài chính

9.1. Các chỉ tiêu cơ bản

9.1.1. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Bảng 11. Khấu hao TSCĐ

Stt	Loại tài sản	Thời gian khấu hao
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30 năm
2	Máy móc thiết bị	06 năm
3	Phương tiện vận tải	06 năm

Nguồn: CMID

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là lâu dài nên không trích khấu hao.

9.1.2. Mức lương bình quân

Hiện nay, bình quân thu nhập hàng tháng của người lao động của Công ty là 16.000.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

9.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Hiện nay, công ty đang được các ngân hàng đánh giá rất cao về khả năng thanh toán lãi và vốn vay của mình. Đây cũng là một lợi thế của công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng.

9.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2018 như sau:

Bảng 12. Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
1	Thuế GTGT	2.510	1.033
2	Thuế TNDN	6.861	5.679
3	Thuế TNCN	2.562	3.468
4	Thuế sử dụng đất	-	2.178
5	Các loại thuế khác	441	83
	Tổng cộng	12.375	12.442

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty.

9.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Bảng 13. Trích lập các quỹ theo luật định

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
1	Quỹ đầu tư phát triển	14.249	16.142
2	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	823	1.809



Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
	Tổng cộng	15.072	17.951

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty.

9.1.6. Tổng dư nợ vay

Bảng 14. Tình hình dư nợ vay

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	184.502	171.882
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
	Tổng cộng	184.502	171.882

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty.

9.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

- Các khoản phải thu

Bảng 15. Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	252.060	257.046
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	228.964	243.507
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	29.399	20.359
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-
6	Phải thu ngắn hạn khác	2.119	1.802
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.422)	(8.622)
II	Các khoản phải thu dài hạn	38.261	37.486
1	Trả trước cho người bán dài hạn	36.183	36.183
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
3	Phải thu nội bộ dài hạn	-	-
4	Phải thu về cho vay dài hạn	1.478	973
5	Phải thu dài hạn khác	600	330

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
6	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-
	Tổng cộng	290.321	294.532

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty.

- Các khoản phải trả

Bảng 16. Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
I	Nợ ngắn hạn	223.804	215.048
1	Phải trả người bán ngắn hạn	6.136	6.843
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.026	471
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.375	12.442
4	Phải trả người lao động	3.470	2.943
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.972	1.791
6	Phải trả nội bộ	-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-
9	Phải trả ngắn hạn khác	10.500	16.865
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	184.502	171.882
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	823	1.809
II	Nợ dài hạn	2.902	2.968
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	-
2	Phải trả dài hạn khác	2.902	2.968
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
4	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
	Nợ phải trả	220.668	218.016

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty.

9.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,29	1,29	
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,28	1,29	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,54	0,53	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,18	1,12	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	512,4	396,5	
- Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	3,56	3,15	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	2,53%	2,76%	
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,48%	18,51%	
- Hệ số LNST/ Tổng tài sản bình quân	%	9,46%	8,62%	
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	3,67%	3,49%	
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS)	đồng/cp	3.303	3.203	

Nguồn: CMID

10. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

Bảng 18. Tài sản tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Stt	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình			
1	Nhà cửa vật kiến trúc	14.002	4.989	9.013
2	Máy móc và thiết bị	1.166	1.056	110
3	Phương tiện vận tải truyền dẫn	9.459	3.933	5.526
4	Thiết bị văn phòng	-	-	-
5	Tài sản khác	-	-	-
II	Tài sản cố định vô hình	7.538	-	7.538
1	Quyền sử dụng đất	7.538	-	7.538

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị ghi sổ của quyền sử dụng đất với nguyên giá là 7.538.400.000 đồng. Quyền sử dụng đất là lâu dài nên không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty:

Bảng 19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	% (+/-)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	62.174	68.187	9,67%

Công ty đang quản lý và sử dụng các bất động sản và cơ sở nhà đất với hình thức thuê đất và trả tiền thuê đất hàng năm, chi tiết các địa điểm như sau:

Bảng 20. Danh sách các thửa đất Công ty đang quản lý và sử dụng

Stt	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất
1	215-217 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP.HCM	261	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng CMID
2	28 Tân Phước, Q.Tân Bình, TP.HCM	635,3	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng, cửa hàng, kho
3	267-269 Lê Thánh Tôn, Q.1, TP.HCM	148	Thuê đất trả tiền hàng năm	Khách sạn
4	397 Lý Thường Kiệt, Q.Tân Bình, TP.HCM(Tầng trệt)	547,3	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng, cửa hàng
5	327 Kinh Dương Vương, Huyện Bình Chánh, TP.HCM	178	Thuê đất trả tiền hàng năm	Cây xăng
6	40 Nguyễn An Khương, Q.5, TP.HCM	88	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng, cửa hàng
7	496 An Dương Vương, Q.5, TP.HCM	82	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng, cửa hàng
8	400 Lê Văn Thọ, Q.Gò Vấp, TP.HCM	193,8	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng, cửa hàng
9	19 Đông Sơn, Q.Tân Bình, TP.HCM	1.455	Thuê đất trả tiền hàng năm	Kho 19 Đông Sơn
10	A11/18A Ấp 1, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, TP.HCM	422	Thuê đất trả tiền hàng năm (Chưa ký HĐ thuê đất)	Cây xăng
11	Ấp 4 xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, TP.HCM	259	Thuê đất trả tiền hàng năm	Cây xăng
12	428 Hồng Bàng, Q.11, TP.HCM	216,5	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng, cửa hàng

Stt	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất
13	518 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP.HCM	100,1	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng, cửa hàng
14	73 Phan Đình Phùng, Q.Phú Nhuận, TP.HCM	119	Thuê đất trả tiền hàng năm	Văn phòng, cửa hàng

Nguồn: CMID

11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

11.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Bảng 21. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2019

Đơn vị tính: Triệu Đồng

	Chỉ tiêu	2019	% KH 2019 so với TH 2018	2020	% KH 2020 so với KH 2019
1	Vốn điều lệ	150.000	100,00%	150.000	100,00%
2	Doanh thu thuần	1.320.000	102,66%	1.370.000	103,79%
3	Lợi nhuận sau thuế	35.965	100,32%	33.875	94,19%
4	Lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	23,98%	n/a	22,58%	n/a
5	Lợi nhuận sau thuế/ DTT	2,72%	n/a	2,47%	n/a
6	Cổ tức	25%	n/a	n/a	n/a

Nguồn: CMID

11.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

Việc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch: giữ doanh thu, sản lượng và lợi nhuận ở mức ổn định. Do sản lượng cung cấp cho thị trường bán lẻ hiện nay chiếm tỷ trọng trên 62%, thị trường cạnh tranh gay gắt làm giảm lợi nhuận nhiều, một phần cung cấp cho thị phần sản xuất công nghiệp trên 37%, cũng đang bị cạnh tranh nhiều (vì hiện tại đây là nguồn lợi nhuận cao nhất). Do đó, Công ty xây dựng các chỉ tiêu năm 2019, 2020 tương ứng hoặc cao hơn thực hiện năm 2018.

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Công ty đã đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

11.2.1. Công tác quản lý kinh doanh

- Đẩy mạnh mối quan hệ với các nhà cung cấp xi măng để tăng các khoản dư nợ, hỗ trợ lãi suất, chính sách khuyến mãi, hậu mãi nhằm tăng sức cạnh tranh trên thị trường.
- Gắn kết với các khách hàng đầu mối, công trình trọng điểm,... thực hiện chính sách linh hoạt về giá bán đối với khách hàng ở từng khu vực, địa bàn khác nhau.



- Tập trung đầu tư vào một số mặt hàng đem lại lợi nhuận cao, mở thêm thị trường tiêu thụ xi măng để tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ.

11.2.2. Công tác đầu tư phát triển

- Tiếp tục kế hoạch đầu tư xây dựng mới và cải tạo sửa chữa, nâng cấp các mặt bằng hoạt động của Công ty để đưa vào khai thác và sử dụng có hiệu quả hơn.
- Tích cực tìm kiếm các đối tác để hoán đổi hoặc chuyển nhượng một số mặt bằng để thu hồi vốn đầu tư. Liên hệ cơ quan chức năng xin chuyển công năng, mua hoặc thuê dài hạn một số mặt bằng để đầu tư kinh doanh hoặc chuyển nhượng hoặc xin phép thuê đất dài hạn để đầu tư xây dựng kinh doanh.

11.2.3. Công tác quản lý tài chính.

- Chủ động bố trí nguồn vốn phục vụ phát triển kinh doanh, đầu tư phát triển dự án, tập trung vốn cho những hợp đồng, dự án lớn tiêu thụ sản lượng ổn định đem lại hiệu quả cao.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý kịp thời những vi phạm trong quản lý tiền hàng, tích cực giải quyết thu hồi công nợ khó đòi.
- Quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện nghiêm chỉnh những quy định của Công ty về vòng quay vốn, định mức dư nợ, thời gian thanh toán, quản lý chặt chẽ công nợ, tiền hàng, tiết kiệm chi phí,... Đồng thời xem xét chọn lọc khách hàng, hạn chế tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn quá lâu, tiềm ẩn nhiều rủi ro.

11.2.4. Công tác tổ chức nhân sự.

- Sắp xếp lại bộ máy tổ chức – nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty.
- Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBCNV, xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực, tâm huyết đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Lập kế hoạch tuyển dụng thêm lao động có tay nghề, năng lực, trình độ để tăng cường cho lực lượng trực tiếp kinh doanh.
- Đẩy mạnh phong trào thi đua trong CBCNV để phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...).

Không có.

13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Trước tiềm năng phát triển của ngành, Công ty đã xây dựng mục tiêu và chiến lược cụ thể để tiếp tục mở rộng hoạt động SXKD, khai thác triệt để các nguồn lực, vật liệu nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh với phương hướng – nhiệm vụ chung như sau:

- Tiếp tục xây dựng và phát triển Công ty chuyên kinh doanh ngành hàng xi măng, dịch vụ cho thuê văn phòng, tập trung kinh doanh những mặt hàng có nhu cầu sản lượng lớn, có chiết khấu, khuyến mãi cao để tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường, góp phần xây dựng thương hiệu CMID vững mạnh và phát triển bền vững.
- Doanh thu sản lượng thực hiện ổn định giữ ở mức cao, phần đầu lợi nhuận đạt cao hơn.
- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo, bảo tồn và phát triển nguồn vốn của Công ty, của Cổ đông, hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, đảm bảo cổ tức cho cổ đông và thu nhập cho người lao động.
- Triển khai các dự án đầu tư, sửa chữa nâng cấp các mặt bằng hiện có để đưa vào khai thác và kinh doanh có hiệu quả.
- Chủ động nguồn vốn phục vụ phát triển kinh doanh, đầu tư phát triển dự án, tập trung vốn cho những hợp đồng, dự án lớn tiêu thụ sản lượng ổn định đem lại hiệu quả cao.
- Cải tiến công tác quản lý, điều hành và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Danh sách và sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

Bảng 22. Danh sách Hội đồng Quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Văn Phải	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Huỳnh Văn Tư	Thành viên HĐQT	Điều hành
3	Thái Thanh Sơn	Thành viên HĐQT	Điều hành

1.1. Ông Lê Văn Phải – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	: LÊ VĂN PHẢI
Giới tính	: Nam
Ngày/tháng/năm sinh	: 05/09/1957
Nơi sinh	: Long An



Chứng minh nhân dân	: 022443531
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Long An
Địa chỉ thường trú	: 07 Tân Hòa Đông, P13, Q6, TP.HCM
Số điện thoại liên lạc	: (028) 39 205 104
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: không
Quá trình công tác:	
▪ Sau 30/4/1975 đến 1981	: Phục vụ trong Quân Đội NDVN
▪ Từ 1981 đến 1998	: Bí thư Đảng Ủy P.13 – Q.6; Phó Chủ Tịch Liên Đoàn LĐ Quận 6; Giám Đốc BHXH Quận 6
▪ Từ 1998 đến 07/2010	: Phó Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất TP.HCM Chủ Tịch HĐTV kiêm Giám Đốc Công ty TNHH Kiến Đức
▪ 08/2012 đến nay	: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất TP.HCM
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	: Chủ Tịch HĐTV kiêm Giám Đốc CTy TNHH Kiến Đức
Số CP nắm giữ (thời điểm đăng ký giao dịch):	: 3.094.687 cp
▪ Đại diện sở hữu	: Không có
▪ Cá nhân sở hữu	: 3.094.687 cổ phiếu
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:	
Vợ: Châu Thị Kim Xoàn	: 800.000 cp
Con : Lê Quang Chánh	: 200.000 cp
Con : Lê Quang Nghĩa	: 200.000 cp
Con : Lê Kim Trinh	: 233.750 cp
Con dâu : Bùi Thị Bình Minh	: 200.000 cp



Em : Huỳnh Văn Tư : 735.159 cp
Hành vi vi phạm pháp luật : Không
Những khoản nợ đối với : Không có
Công ty
Lợi ích liên quan đối với : Không có
Công ty

1.2. Ông Huỳnh Văn Tư – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên	: HUỖNH VĂN TƯ
Giới tính	: Nam
Ngày/tháng/năm sinh	: 24/01/1962
Nơi sinh	: Long An
Chứng minh nhân dân	: 020525157
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Long An
Địa chỉ thường trú	: 144-146 Đặng Nguyên Cẩn, P13, Q6, TP.HCM
Số điện thoại liên lạc	: (028) 38 367 969
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác:	
▪ Từ 11/1983 đến 10/1985	: Nhân viên kho vận, Sở Thương nghiệp
▪ Từ 11/1985 đến 12/1989	: Phó phòng, Xí nghiệp vận tải thương nghiệp
▪ Từ 01/1990 đến 05/1993	: Trưởng phòng, Xí nghiệp vận tải thương nghiệp
▪ Từ 06/1993 đến 03/1995	: Phó trưởng trạm Vận Tải – Công ty Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất TP.HCM
▪ Từ 04/1995 đến 08/2002	: Trưởng trạm Vận Tải – Công ty Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất TP.HCM
▪ Từ 09/2002 đến 03/2003	: Phó Giám đốc – Công ty CP VLXD & TTNT TP.HCM
▪ Từ 04/2003 đến 09/2004	: Giám đốc, Công ty CP VLXD và TTNT TP.HCM



- Từ 10/2004 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Công ty CP VLXD và TTNT TP.HCM

Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty tại Công ty

Chức vụ hiện đang nắm giữ : Không tại các tổ chức khác

Số CP nắm giữ (thời điểm : 735.159 cp đăng ký giao dịch):

- Đại diện sở hữu : 0 cp, chiếm 0% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu : 735.159 cp

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:

Vợ: Trần Thị Tường : 150.000 cp

Con : Huỳnh Thanh Quang : 160.000 cp

Con : Huỳnh Ngọc Khánh : 150.000 cp

Anh : Lê Văn Phải : 2.819.277 cp

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

1.3. Ông Thái Thanh Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	: THÁI THANH SƠN
Giới tính	: Nam
Ngày/tháng/năm sinh	: 29/06/1970
Nơi sinh	: TP Hồ Chí Minh
Chứng minh nhân dân	: 023771491
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: TP Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú	: 250 (lầu 1 sau) Lê Thánh Tôn, P Bến Thành, Q1
Số điện thoại liên lạc	: 0913 766 306
Trình độ văn hóa	: 12/12



Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Thương mại
Quá trình công tác: từ 03/1993 đến nay công tác tại Cty Cp VLXD và TTNT TPHCM	
▪ Từ 03/1993 đến 12/1999	: Lái xe
▪ Từ 01/2000 đến 12/2000	: NV kinh doanh
▪ Từ 01/2001 đến 12/2001	: Phó cửa hàng
▪ Từ 01/2002 đến 04/2002	: Trưởng cửa hàng
▪ Từ 05/2002 đến 09/2004	: Phó cửa hàng
▪ Từ 10/2004 đến 03/2011	: Phó Giám đốc Trung tâm
▪ Từ 04/2011 đến 10/2011	: Giám đốc Trung tâm
▪ Từ 11/2011 đến 03/2015	: Trưởng phòng KHKD
▪ Từ 04/2015 đến 04/2018	: Phó Tổng Giám đốc
▪ Từ 05/2018 đến nay	: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ công tác hiện nay	: Phó Tổng Giám đốc tại Công ty
Chức vụ hiện đang nắm giữ	: Không có tại các tổ chức khác
Số CP nắm giữ (thời điểm : 77.899 cp đăng ký giao dịch):	
▪ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phiếu
▪ Cá nhân sở hữu	: 77.899 cp
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:	
Em : Thái Thị Tú Trinh	: 3.508 cp
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

2. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

Bảng 23. Danh sách Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Phi Bằng	Trưởng BKS
2	Trương Thị Thu Trang	Thành viên BKS



3	Châu Thùy My	Thành viên BKS
---	--------------	----------------

2.1. Bà Vũ Phi Bằng – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	: VŨ PHI BẰNG
Giới tính	: Nữ
Ngày/tháng/năm sinh	: 11/11/1977
Nơi sinh	: Tiền Giang
Chứng minh nhân dân	: 024729193
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	: 233 An Dương Vương, P An Lạc, Q Bình Tân
Số điện thoại liên lạc	: 0918 749 039
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Đại học kinh tế
Quá trình công tác:	
▪ Từ 12/1999 đến 12/2011	: NV Kế toán, Công ty CP VLXD và TTNT TPHCM
▪ Từ 01/2012 đến 12/2016	: Phó Phòng Kế toán, Công ty CP VLXD và TTNT TPHCM
▪ Từ 01/2017 đến nay	: Trưởng Phòng TCHC, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP VLXD và TTNT TPHCM
Chức vụ công tác hiện nay	: Trưởng Phòng TCHC, Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty
Chức vụ hiện đang nắm giữ	: Không có tại các tổ chức khác
Số CP nắm giữ (thời điểm đăng ký giao dịch):	: 9.924 cp
▪ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phiếu
▪ Cá nhân sở hữu	: 9.924 cp
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không



Những khoản nợ đối với : Không có
Công ty

Lợi ích liên quan đối với : Không có
Công ty

2.2. Bà Trương Thị Thu Trang – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	: TRƯƠNG THỊ THU TRANG
Giới tính	: Nữ
Ngày/tháng/năm sinh	: 08/04/1984
Nơi sinh	: Tp.HCM
Chứng minh nhân dân	: 023716821
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Hà Nam
Địa chỉ thường trú	: 29 Đường số 3, KP chợ Phú Lâm, P13, Q6
Số điện thoại liên lạc	: 0913 068 052
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Không
Quá trình công tác:	
▪ Từ 10/2003 đến 12/2011	: NV Kế toán, Cty Cp VLXD và TTNT TPHCM
▪ Từ 01/2012 đến nay	: Thành viên Ban kiểm soát, NV Phòng kinh doanh, Cty Cp VLXD và TTNT TPHCM
Chức vụ công tác hiện nay	: Thành viên Ban kiểm soát, NV Phòng kinh doanh tại Công ty
Chức vụ hiện đang nắm giữ	: Không có tại các tổ chức khác
Số CP nắm giữ (thời điểm đăng ký giao dịch):	: 6.480 cp
▪ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phiếu
▪ Cá nhân sở hữu	: 6.480 cp
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:	
Chưa: Trương Minh Tuyên	: 20.375 cp



Mẹ: Nguyễn Thị Thu : 25.250 cp
Hương

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Những khoản nợ đối với : Không có
Công ty

Lợi ích liên quan đối với : Không có
Công ty

2.3. Bà Châu Thùy Mỹ – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	: CHÂU THÙY MỸ
Giới tính	: Nữ
Ngày/tháng/năm sinh	: 20/11/1978
Nơi sinh	: Phú Yên
Chứng minh nhân dân	: 025299338
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Phú Yên
Địa chỉ thường trú	: 35 đường số 48 – phường 16 – Quận 8
Số điện thoại liên lạc	: 0989022306
Trình độ văn hóa	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác:	
▪ Từ 11/2003 đến 12/2009	: NV Kế toán, Công ty CP VLXD và TTNT TPHCM
▪ Từ 01/2010 đến 02/2012	: Tổ trưởng kế toán, Công ty CP VLXD và TTNT TPHCM
▪ Từ 03/2012 đến nay	: Thành viên Ban kiểm soát, NV Kế toán, Công ty CP VLXD và TTNT TPHCM
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Thành viên Ban kiểm soát, NV Kế toán
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	: Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm đăng ký giao dịch):	: 9.747 cp
▪ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phiếu



▪ Cá nhân sở hữu : 9.747 cp

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:

Chị : Châu Cẩm Thuý : 19.494 cp

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Những khoản nợ đối với Công ty : Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không có

3. Danh sách và sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc

Bảng 24. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Huỳnh Văn Tư	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Thái Thanh Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Phạm Thị Bắc Giang	Kế toán trưởng

3.1. Ông Huỳnh Văn Tư – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Lý lịch đã trình bày ở mục 1.2 Phần II.

3.2. Ông Thái Thanh Sơn – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Lý lịch đã trình bày ở mục 1.3 Phần II.

3.3. Bà Phạm Thị Bắc Giang – Kế toán trưởng

Họ và tên	: PHẠM THỊ BẮC GIANG
Giới tính	: Nữ
Ngày/tháng/năm sinh	: 13/10/1964
Nơi sinh	: TP Hồ Chí Minh
Chứng minh nhân dân	: 021602473
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	: 52 Tôn Thất Thuyết, P3, Q4, TPHCM
Số điện thoại liên lạc	: 0918 032 778
Trình độ văn hóa	: 12/12



Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Thương mại
Quá trình công tác:	
▪ Từ 12/1985 đến 07/1992	: NV thống kê, Công ty CP VLXD và TTNT TPHCM
▪ Từ 08/1992 đến 04/1994	: NV kế toán, Công ty CP VLXD và TTNT TPHCM
▪ Từ 05/1994 đến 04/2000	: TT kế toán, Công ty CP VLXD và TTNT TPHCM
▪ Từ 05/2000 đến 12/2001	: Phó phòng kế toán, Công ty CP VLXD và TTNT TPHCM
▪ Từ 01/2002 đến nay	: Kế toán trưởng, Công ty CP VLXD và TTNT TPHCM
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	: Kế toán trưởng
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	: Không có
Số CP nắm giữ (thời điểm đăng ký giao dịch):	: 76.578 cp
▪ Đại diện sở hữu	: 0 cổ phiếu
▪ Cá nhân sở hữu	: 76.578 cp
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty	: Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	: Không
Những khoản nợ đối với Công ty	: Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.

Nâng cao năng lực quản trị Công ty thông qua các việc:

- Tiến hành rà soát và sửa đổi Điều lệ Công ty trên cơ sở áp dụng và tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định về quản trị Công ty đại chúng ban hành tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về việc hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.
- Thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật, các chủ trương, chính sách của Nhà nước để vận dụng, triển khai thực hiện tại Công ty;
- Tiếp tục nghiên cứu và đề ra các giải pháp, tổ chức triển khai thực hiện phương án tái cơ cấu, tinh gọn, kiện toàn bộ máy, hoàn chỉnh hệ thống để nâng cao hiệu quả hoạt động;



- Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật.
- Hiện tại các thành viên Ban kiểm soát chưa đáp ứng điều kiện theo quy định hiện hành tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017, Công ty cam kết sẽ kiện toàn lại Ban kiểm soát bằng cách yêu cầu bổ sung các chứng chỉ cần thiết hoặc tiến hành bầu thay thế/bầu mới tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21. tháng 6. năm 2019

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH VĂN TỰ

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



LÂM HOÀI AN